

CHƯƠNG 5

PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

Điều 5.1: Phạm vi

1. Đối với UAE, Chương này sẽ áp dụng cho các cuộc điều tra và các biện pháp phòng vệ thương mại được thực hiện dưới thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Kinh tế UAE hoặc người kế nhiệm.
2. Đối với Việt Nam, Chương này sẽ áp dụng cho các cuộc điều tra và các biện pháp phòng vệ thương mại được thực hiện dưới thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Công Thương Việt Nam hoặc người kế nhiệm.

Điều 5.2: Các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp

1. Các Bên khẳng định lại các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều VI và Điều XVI của GATT 1994; Hiệp định Chống bán phá giá và Hiệp định Trợ cấp và các biện pháp đối kháng.
2. Các Bên thừa nhận quyền áp dụng các biện pháp phù hợp với Điều VI của GATT 1994, Hiệp định Chống bán phá giá và Hiệp định Trợ cấp và các biện pháp đối kháng, cũng như tầm quan trọng của việc thúc đẩy tính minh bạch.
3. Trừ khi có quy định khác tại Điều này, Hiệp định này không trao thêm bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào cho các Bên liên quan tới các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp, bao gồm cả việc khởi xướng và tiến hành điều tra thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp cũng như việc áp dụng các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp.
4. Khi cơ quan điều tra của một Bên nhận được hồ sơ hợp lệ của hoặc thay mặt ngành sản xuất trong nước yêu cầu khởi xướng điều tra chống bán phá giá đối với một sản phẩm từ Bên còn lại, Bên đó phải thông báo cho Bên còn lại về việc nhận hồ sơ trước khi khởi xướng điều tra và chậm nhất là 10 ngày trước ngày khởi xướng điều tra.
5. Trong thời gian sớm nhất sau khi chấp nhận hồ sơ hợp lệ yêu cầu điều tra chống trợ cấp đối với sản phẩm của Bên còn lại và trong bất kỳ trường hợp nào trước khi khởi xướng điều tra, Bên đó phải thông báo bằng văn bản về việc nhận được hồ sơ yêu cầu điều tra cho Bên còn lại và mời Bên còn lại tham vấn nhằm mục đích làm rõ tình hình các vấn đề được nêu trong hồ sơ và đi đến giải pháp thống nhất song phương.
6. Cơ quan điều tra của mỗi Bên phải đảm bảo, trước khi đưa ra quyết định cuối cùng, việc công khai tất cả các dữ kiện quan trọng đang được xem xét để làm cơ sở cho việc quyết định có áp dụng các biện pháp hay không. Điều này không ảnh hưởng đến Điều 6.5 của Hiệp định Chống bán phá giá và Điều 12.4 của Hiệp định Trợ cấp và các biện pháp đối kháng. Việc công khai phải được thực hiện bằng văn bản và cho phép các bên quan tâm có đủ thời gian để đưa ra ý kiến.

7. Các bên liên quan được đảm bảo quyền bày tỏ ý kiến của mình trong quá trình điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp phù hợp với các điều kiện theo pháp luật và quy định trong nước của mỗi Bên.
8. Các Bên sẽ tuân thủ các thông lệ sau đây trong các vụ việc chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp giữa các Bên nhằm tăng cường tính minh bạch trong việc thực thi Hiệp định WTO:
 - (a) khi biên độ bán phá giá được xác định, được đánh giá hoặc được rà soát theo các Điều 2, 9.3, 9.5 và 11 của Hiệp định Chống bán phá giá, bất kể các cơ sở so sánh theo Điều 2.4.2 của Hiệp định Chống bán phá giá, tất cả các biên độ riêng biệt, dù có giá trị âm hay giá trị dương, cần được tính vào mức bình quân;
 - (b) trong trường hợp ban hành quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá theo Điều 9.1 của Hiệp định Chống bán phá giá, Bên đưa ra quyết định đó có thể áp dụng quy tắc “mức thuế thấp hơn”, bằng việc áp dụng mức thuế thấp hơn biên độ bán phá giá trong trường hợp mức thuế thấp hơn đó đủ để loại bỏ thiệt hại của ngành sản xuất trong nước; và
 - (c) Bên điều tra phải yêu cầu nhà sản xuất hoặc xuất khẩu trên lãnh thổ của Bên kia trả lời đúng thời hạn Bản câu hỏi của mình. Khi Bên điều tra nhận thấy thiếu sót lớn về thông tin trong Bản trả lời câu hỏi nhận được trước thời hạn từ nhà sản xuất hoặc xuất khẩu liên quan hoặc cần yêu cầu làm rõ thông tin vì mục đích điều tra, Bên điều tra phải đề nghị cung cấp thông tin còn thiếu hoặc yêu cầu làm rõ thông tin liên quan đến Bản trả lời câu hỏi. Thủ tục này không được sử dụng để gây ra sự chậm trễ không chính đáng trong quá trình điều tra hoặc để lách thời hạn trả lời được quy định trong pháp luật và quy định trong nước của Bên đó.
9. Trong một cuộc điều tra chống bán phá giá, khi cơ quan có thẩm quyền của một Bên đã đưa ra quyết định sơ bộ khẳng định về việc bán phá giá và thiệt hại của ngành sản xuất trong nước gây ra bởi việc bán phá giá đó, Bên đó sẽ dành sự xem xét thích đáng và tạo cơ hội tham vấn đầy đủ để các nhà xuất khẩu của Bên còn lại đề xuất việc cam kết giá, nếu được chấp nhận, có thể dẫn đến việc đình chỉ điều tra mà không áp dụng thuế chống bán phá giá, thông qua các biện pháp được quy định trong pháp luật và quy định trong nước của Bên đó.
10. Trong một cuộc điều tra chống trợ cấp, khi cơ quan có thẩm quyền của một Bên đã đưa ra quyết định sơ bộ khẳng định về trợ cấp và thiệt hại của ngành sản xuất trong nước gây ra bởi việc trợ cấp đó, Bên đó sẽ dành sự xem xét thích đáng và cơ hội tham vấn đầy đủ để Bên còn lại và các nhà xuất khẩu của Bên còn lại đề xuất việc cam kết giá, nếu được chấp nhận, có thể dẫn đến việc đình chỉ điều tra mà không áp dụng thuế chống trợ cấp, thông qua các biện pháp được quy định trong pháp luật và quy định trong nước của Bên đó.
11. Các Bên đồng ý xem xét, với sự thận trọng đặc biệt, mọi hồ sơ yêu cầu khởi xướng điều tra chống bán phá giá đối với hàng hóa có xuất xứ từ Bên còn lại mà biện pháp chống

bán phá giá đối với hàng hóa này đã được chấm dứt trong 12 tháng trước đó do kết quả của một cuộc rà soát. Trừ khi việc xem xét tiền khởi xướng này chỉ ra rằng hoàn cảnh đã thay đổi, cuộc điều tra sẽ không được tiến hành.

12. Khi việc nhập khẩu một sản phẩm từ hơn một quốc gia đồng thời bị điều tra chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp, một Bên phải đặc biệt thận trọng kiểm tra xem liệu đánh giá cộng gộp về tác động của hàng nhập khẩu từ Bên kia có phù hợp hay không trong điều kiện cạnh tranh giữa các hàng hóa nhập khẩu và điều kiện cạnh tranh giữa hàng hóa nhập khẩu với hàng hóa tương tự trong nước.

Điều 5.3: Các biện pháp tự vệ chuyển tiếp

1. Vì mục đích của Điều này:

Ngành sản xuất trong nước có nghĩa là, đối với một hàng hóa nhập khẩu, toàn bộ các nhà sản xuất của hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp trong lãnh thổ của một Bên, hoặc các nhà sản xuất có tổng sản lượng của các hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong tổng sản lượng trong nước của hàng hóa đó;

Biện pháp tự vệ chuyển tiếp tạm thời có nghĩa là biện pháp tự vệ tạm thời được mô tả tại Đoạn 12;

Thiệt hại nghiêm trọng có nghĩa là sự suy giảm tổng thể đáng kể về vị thế của một ngành sản xuất trong nước;

Đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng có nghĩa là thiệt hại nghiêm trọng được đánh giá dựa trên cơ sở thực tế chứ không chỉ dựa trên cáo buộc, phỏng đoán hoặc khả năng xa, rõ ràng sắp xảy ra;

Giai đoạn chuyển tiếp đối với một hàng hóa cụ thể, có nghĩa là khoảng thời gian cắt giảm thuế quan theo giai đoạn đối với hàng hóa đó theo lộ trình của mỗi Bên tại Phụ lục 2A (Biểu cam kết thuế quan) của Chương 2 (Thương mại hàng hoá); và

Biện pháp tự vệ chuyển tiếp có nghĩa là biện pháp tự vệ chuyển tiếp được mô tả tại Đoạn 2.

2. Nếu, do việc cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan theo Hiệp định này, một hàng hóa có xuất xứ của một Bên được nhập khẩu vào lãnh thổ của Bên còn lại với lượng gia tăng, về mặt tuyệt đối hoặc tương đối so với sản xuất trong nước, và theo các điều kiện gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước sản xuất hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp, Bên nhập khẩu có thể, trong phạm vi cần thiết để ngăn chặn hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng đối với ngành sản xuất trong nước của mình, áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp bao gồm:

- (a) đình chỉ việc cắt giảm thêm bất kỳ mức thuế quan nào được quy định tại Hiệp định này đối với hàng hóa đó; hoặc
- (b) tăng mức thuế quan đối với hàng hóa đó lên mức không vượt quá mức thấp hơn của:

- (i) mức thuế quan tối huệ quốc có hiệu lực vào ngày áp dụng biện pháp tự vệ chuyên tiếp; hoặc
 - (ii) mức thuế quan tối huệ quốc có hiệu lực vào ngày ngay trước ngày Hiệp định này có hiệu lực.
- 3. Một Bên phải thông báo ngay cho Bên còn lại bằng văn bản khi:
 - (a) khởi xướng một cuộc điều tra được mô tả tại Đoạn 5;
 - (b) đưa ra kết luận về thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây thiệt hại nghiêm trọng do việc gia tăng nhập khẩu được mô tả tại Đoạn 2;
 - (c) ban hành quyết định áp dụng, gia hạn hoặc sửa đổi biện pháp tự vệ chuyên tiếp.
- 4. Trên cơ sở yêu cầu của một Bên có hàng hóa là đối tượng bị điều tra biện pháp tự vệ chuyên tiếp theo Điều này, Bên tiến hành điều tra phải thực hiện tham vấn với Bên yêu cầu nhằm rà soát bản công khai của các thông tin phát sinh trong quá trình điều tra và trao đổi ý kiến về biện pháp đó.
- 5. Một Bên chỉ được áp dụng biện pháp tự vệ chuyên tiếp sau khi cơ quan có thẩm quyền của Bên đó tiến hành điều tra theo Điều 3 và 4.2(c) của Hiệp định Tự vệ, và vì mục đích này, Điều 3 và 4.2(c) của Hiệp định Tự vệ sẽ được đưa vào trở thành một phần của Hiệp định này, *với những sửa đổi phù hợp*.
- 6. Trong cuộc điều tra được mô tả tại Đoạn 5, Bên điều tra phải tuân thủ các yêu cầu của Điều 4.2 (a) và (b) của Hiệp định Tự vệ, và vì mục đích này, Điều 4.2 (a) và (b) của Hiệp định Tự vệ được đưa vào trở thành một phần của Hiệp định này, *với những sửa đổi phù hợp*.
- 7. Mỗi Bên phải đảm bảo rằng các cơ quan có thẩm quyền của mình hoàn thành cuộc điều tra nêu tại Đoạn 5 trong vòng một năm kể từ ngày khởi xướng điều tra.
- 8. Một Bên sẽ không áp dụng biện pháp tự vệ chuyên tiếp:
 - (a) ngoại trừ trong phạm vi và trong thời gian cần thiết để ngăn ngừa hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng và tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều chỉnh của ngành sản xuất trong nước;
 - (b) trong thời hạn vượt quá hai năm, ngoại trừ trường hợp thời hạn này có thể được gia hạn tối đa một năm nếu cơ quan có thẩm quyền của Bên nhập khẩu xác định, phù hợp với các thủ tục được quy định tại Điều này, rằng biện pháp đó tiếp tục cần thiết để ngăn chặn hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng và tạo điều kiện cho việc điều chỉnh của ngành sản xuất trong nước và có bằng chứng cho thấy ngành sản xuất trong nước đang điều chỉnh, với điều kiện là tổng thời gian áp dụng biện pháp tự vệ chuyên tiếp, bao gồm cả thời gian áp dụng ban đầu và bất kỳ thời gian gia hạn nào, không vượt quá ba năm; hoặc

(c) sau khi hết giai đoạn chuyển tiếp.

9. Một Bên không được áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp nhiều hơn một lần đối với một hàng hóa.
10. Trong trường hợp thời gian dự kiến của biện pháp tự vệ chuyển tiếp là hơn một năm, Bên áp dụng biện pháp phải nói lỏng dần biện pháp đó theo các khoảng thời gian định kỳ trong suốt thời hạn áp dụng.
11. Khi một Bên chấm dứt một biện pháp tự vệ chuyển tiếp, mức thuế quan đối với hàng hóa có xuất xứ bị áp dụng biện pháp đó sẽ là mức thuế suất mà theo lộ trình biểu thuế của Bên đó tại Phụ lục 2A (Biểu cam kết thuế quan) tại Chương 2 (Thương mại hàng hoá), đáng nhẽ đã có hiệu lực nếu không có biện pháp tự vệ chuyển tiếp.
12. Trong những trường hợp khẩn thiết mà sự chậm trễ có thể gây ra thiệt hại khó khắc phục, một Bên có thể áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp tạm thời căn cứ kết luận sơ bộ của cơ quan có thẩm quyền rằng có bằng chứng rõ ràng cho thấy việc nhập khẩu hàng hóa có xuất xứ từ Bên còn lại đã tăng lên do kết quả của việc cắt giảm hoặc loại bỏ thuế quan theo Hiệp định này và việc nhập khẩu đó đã gây ra hoặc có nguy cơ gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước.
13. Trước khi áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp tạm thời, Bên áp dụng phải thông báo cho Bên kia.
14. Thời hạn của bất kỳ biện pháp tự vệ chuyển tiếp tạm thời nào sẽ không vượt quá 200 ngày, trong thời gian đó Bên áp dụng biện pháp phải tuân thủ các yêu cầu tại Đoạn 5 và 6.
15. Bên áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp tạm thời phải nhanh chóng hoàn trả mọi khoản thuế tăng thêm nếu cuộc điều tra mô tả tại Đoạn 5 không dẫn đến kết luận rằng các yêu cầu của Đoạn 2 được đáp ứng. Để đảm bảo sự rõ ràng, thời hạn của bất kỳ biện pháp tự vệ chuyển tiếp tạm thời nào sẽ được tính là một phần của thời hạn được mô tả tại Đoạn 8(b).
16. Không quá 30 ngày sau khi áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp, Bên áp dụng biện pháp đó phải tạo cơ hội cho Bên còn lại tham vấn với Bên áp dụng về khoản bồi thường tự do hóa thương mại phù hợp dưới hình thức nhượng bộ có tác động thương mại tương đương đáng kể hoặc tương đương với giá trị của các khoản thuế bổ sung dự kiến phát sinh từ biện pháp tự vệ chuyển tiếp. Bên áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp phải bồi thường theo thỏa thuận mà các Bên đồng ý.
17. Nếu việc tham vấn theo Đoạn 16 không đạt được thỏa thuận về bồi thường tự do hóa thương mại trong vòng 30 ngày kể từ ngày bắt đầu tham vấn, Bên có hàng hóa là đối tượng của biện pháp tự vệ chuyển tiếp có thể đình chỉ việc áp dụng các nhượng bộ đối với hàng hóa có xuất xứ của Bên áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp có tác động thương mại tương đương với biện pháp tự vệ chuyển tiếp.

18. Bên có hàng hóa bị áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp phải thông báo cho Bên áp dụng biện pháp tự vệ chuyển tiếp bằng văn bản ít nhất 30 ngày trước khi đình chỉ nhượng bộ theo Đoạn 17.
19. Quyền đình chỉ áp dụng các nhượng bộ theo Đoạn 17 sẽ không được thực hiện trong 24 tháng đầu tiên khi biện pháp tự vệ chuyển tiếp có hiệu lực, với điều kiện là biện pháp tự vệ chuyển tiếp đã được áp dụng do lượng nhập khẩu tăng tuyệt đối và phù hợp với Hiệp định này.
20. Nghĩa vụ bồi thường theo Đoạn 16 và quyền đình chỉ áp dụng các nhượng bộ theo Đoạn 17 phải chấm dứt vào ngày biện pháp tự vệ chuyển tiếp chấm dứt.

Điều 5.4: Các biện pháp tự vệ toàn cầu

1. Các Bên tái khẳng định các quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều XIX của GATT 1994 và Hiệp định Tự vệ. Hiệp định này không trao thêm bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào cho các Bên liên quan đến các hành động được thực hiện theo Điều XIX của GATT 1994 và Hiệp định Tự vệ.
2. Một Bên sẽ không áp dụng, đối với cùng một hàng hóa, vào cùng một thời điểm:
 - (a) biện pháp tự vệ chuyển tiếp theo Điều 5.3 (Các biện pháp tự vệ chuyển tiếp) của Chương này; và
 - (b) biện pháp theo Điều XIX của GATT 1994 và Hiệp định Tự vệ.
3. Theo yêu cầu của Bên kia và với điều kiện là có lợi ích đáng kể, Bên dự định áp dụng các biện pháp tự vệ phải cung cấp ngay lập tức thông báo bằng văn bản về tất cả các thông tin phù hợp về việc khởi xướng điều tra biện pháp tự vệ, kết luận tạm thời và kết luận cuối cùng của cuộc điều tra.
4. Để đảm bảo sự rõ ràng, một Bên được coi là có lợi ích đáng kể khi nằm trong số năm nguồn cung cấp lớn nhất hàng hóa nhập khẩu trong khoảng thời gian ba năm gần nhất, được tính theo khối lượng hoặc giá trị tuyệt đối.

Điều 5.5: Hợp tác về phòng vệ thương mại

Các Bên sẽ nỗ lực khuyến khích hợp tác về phòng vệ thương mại giữa các cơ quan có liên quan của mỗi Bên chịu trách nhiệm về các vấn đề phòng vệ thương mại.

Điều 5.6: Giải quyết tranh chấp

Ngoại trừ Điều 5.3 (Biện pháp tự vệ tạm thời), không Bên nào được viện dẫn việc giải quyết tranh chấp theo Chương 17 (Giải quyết tranh chấp) đối với bất kỳ vấn đề nào phát sinh theo Chương này.